

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2021  
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Miên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Sáu
2. Ông Phạm Văn Tám

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 555/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp 3, xã Q, huyện T, tỉnh L. Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Lê Thanh Nh, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp 3, xã Th, huyện B, tỉnh L. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 04-10-2020, bản tự khai và các lời trình bày trong các Biên bản tại Tòa án, nguyên đơn Trần Thị H trình bày:*

Bà và ông Nh quen biết nhau được gia đình đồng ý thì tiến tới kết hôn, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh L ngày 17/9/2014. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống chung với cha mẹ bà tại Tân Trụ. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã. Khoảng từ tháng 8 năm 2020 mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên ông Nh đã về bên cha mẹ ông sinh sống cho đến nay. Hiện nay hai vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh Nh.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Tuấn V sinh năm 2015. Con chung hiện nay đang sống với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- *Bị đơn ông Lê Thanh Nh trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian quen biết, kết hôn và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ông thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi vã và từ tháng 8 năm 2020 đến nay ông bà đã ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Tuấn V sinh năm 2015. Hiện nay con đang sống chung với bà H nhưng ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh Nh. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”, ông Nh có hộ khẩu thường trú tại ấp 3, xã Th, huyện B, tỉnh L nên thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

[2] Ông Lê Thanh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Lê Thanh Nh có đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã xã Q, huyện T, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Theo bà H trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, và đã không còn sinh hoạt với nhau từ tháng 8 năm 2020 đến nay nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nh. Ông Nh cũng xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và không còn tình cảm với nhau nên ông đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, Tòa án chấp nhận cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Lê Thanh Nh.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông Nh có một con chung tên Lê Tuấn V sinh năm 2015. Con chung hiện nay đang sống với bà H. Cả bà H và ông Nh đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, theo bà H trình bày thu nhập của bà ổn định mỗi tháng 7 -8 triệu đồng, ông Nh trình bày ông thu nhập mỗi tháng hơn 10 triệu đồng thể hiện cả hai đều có đủ kinh tế để chăm sóc cháu. Tuy nhiên, về giờ giấc làm việc và gần gũi con thì ông Nh không có nhiều thời gian gần gũi, chăm sóc con bằng bà H bởi vì công việc của ông Nh có thời gian từ 8 giờ ngày hôm trước đến 9 giờ sáng ngày hôm sau, ban ngày nghỉ ngơi, nếu ông được quyền trực tiếp nuôi con thì ông sẽ gửi con cho cha và vợ chồng anh trai mình

chăm sóc. Trong khi bà H làm công nhân theo ca, thời gian ổn định nên thời gian dành cho việc chăm sóc con nhiều hơn ông Nh. Ngoài ra mẹ bà H còn trẻ và ở nhà cả ngày nên có thời gian phụ bà H chăm sóc cháu. Ông Nh cũng thừa nhận hiện nay con chung đang sống chung với bà H vẫn phát triển ổn định, bình thường và bà H chăm sóc cháu tốt. Xét thấy, nếu giao cháu cho ông Nh nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi môi trường sống của cháu. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển về tinh thần và thể chất của con, cần giao con chung cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Nh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Nh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H. Cho bà Trần Thị H ly hôn với ông Lê Thanh Nh.

2. Về con chung: Bà Trần Thị H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Tuấn V sinh năm 2015, ông Nh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002674 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L. Bà Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Thị Miên**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Dương Thị Sáu – Phạm Văn Tám**

**Hồ Thị Miên**













***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Thị Miên**